

Số: 458/2024/HS-ST

Ngày: 13/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Cửu Long

2. Bà Nguyễn Hương Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 409/2024/HSST ngày 31/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 528/2024/QĐXXST-HS ngày 30/8/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H; sinh năm: 1982 tại tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 211/5 Đường A, khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số A Đường B, khu phố D, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh khách sạn; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến D và bà Đào Thị Thanh N; chồng tên Mai Ngọc D1; có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2023 đến ngày 19/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam thành cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Trần Thị T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Thường trú: P11-B9 Tập Thể, K, Đ, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Số A Đường B, khu phố D, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Hồ Thị T1, sinh năm 2006 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Kà Tinh, xã Trà Sơn, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi ở: Chung cư Floria Anh Đào, số 619 Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 11/2023, do có nhu cầu bán dâm nên Trần Thị T vào trang mạng Gaigul0.tv để tìm hiểu cách thức hoạt động bán dâm thì biết được một người phụ nữ tên L. Ban đầu, L giới thiệu cho T thợ chụp hình khỏa thân, sau đó nhờ người đăng lên trang mạng Gaigul0.tv để quảng cáo với giá 3.000.000 đồng/1 bài đăng/1 tháng, với giá bán dâm là 400.000 đồng/lượt.

Ngày 20/11/2023, T đến khách sạn T4 địa chỉ số A Đường B, Khu phố D, phường P, thành phố T gặp Nguyễn Thị H (là chủ khách sạn) thuê phòng số 213, từ tháng 11/2023 (từ 11 giờ trưa đến 02 giờ sáng ngày hôm sau) với giá 1.500.000 đồng/tháng với mục đích bán dâm. Ban đầu, T không nói cho H biết về việc bán dâm nhưng sau khi hoạt động bán dâm được 01 tuần thì H phát hiện ra T là gái bán dâm ở khách sạn của H vì H để ý camera thấy T thường vào phòng của khách N1 thuê, đồng thời H còn gặp trực tiếp Thu để hỏi và biết được T có thực hiện hành vi bán dâm cho khách tại khách sạn của H, nhưng H vẫn cho T thực hiện việc bán dâm trong khách sạn vì T nói với H cần tiền để nuôi gia đình, có bố ruột bị bệnh ung thư. H còn dặn T, nếu người nhà của khách đánh ghen thì H sẽ không can thiệp. H cũng biết giá T bán dâm cho khách là 400.000/lượt nhưng không hưởng lợi trên số tiền T bán dâm mà sẽ hưởng lợi từ việc khách mua dâm đến khách sạn để thuê phòng và tính tiền phòng là 100.000 đồng/phòng với thời gian thuê dưới 02 tiếng. Việc H cho T bán dâm ở tại khách sạn chỉ mình H biết. H không biết việc T trao đổi, liên hệ với khách bán dâm cụ thể như thế nào nhưng biết T liên hệ với khách trên trang mạng Gaigul0.tv.

Ngày 15/12/2023, Phan Minh Phương T2 và Đặng Hữu H1 là khách mua dâm cùng vào trang mạng Gaigul0.tv để liên hệ với gái bán dâm thì gặp T nhưng T chỉ đi một khách với giá 400.000 đồng/lượt nên T2 vào lại trang Gaigul0.tv và liên hệ được với một gái bán dâm khác tên Hồ Thị T1. Qua trao đổi, Hồ Thị T1 đồng ý bán dâm với giá 600.000 đồng/lượt rồi tất cả cùng hẹn nhau đến khách sạn T4 để thực hiện hành vi mua bán dâm.

Khoảng 15 giờ 15 phút, H1 và T2 đến khách sạn T4 thì gặp Nguyễn Văn M là lễ tân thuê 02 phòng với giá 200.000 đồng. H1 vào phòng 204 còn T2 vào phòng 209. Sau khi vào phòng, khoảng 10 phút sau thì T vào phòng 204 còn T2 vào phòng 209. Sau đó, H1 và T thực hiện hành vi mua bán dâm với nhau còn T2 sau khi gặp T1 do nghi ngờ T1 chưa đủ tuổi thành niên nên chủ động không thực hiện hành vi mua dâm với T1. H1 đã đưa cho T 1.000.000 đồng để trả tiền mua dâm cho H1 và T2. Đến 15 giờ 30 phút, ngày 15/12/2023, Công an thành phố T phối hợp đoàn liên ngành 814 tiến hành kiểm tra phòng 204 và 209 tại Khách sạn T4, địa chỉ số A đường B, Khu phố D, phường P, thành phố T phát

hiện 02 cặp nam nữ có dấu hiệu thực hiện hành vi mua bán dâm nên đã đưa tất cả về trụ sở Công an thành phố T làm việc đồng thời thu giữ toàn bộ vật chứng, đồ vật tài liệu liên quan đến việc mua bán dâm. (Bút lục 37).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn M, Trần Thị T, Đặng Hữu H1, Phan Minh Phương T2, Hồ Thị T1 khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. (Bút lục 51-71; 74-81).

Ngoài ra, Hồ Thị T1 còn khai nhận như sau, do không có việc làm, T1 lên mạng xã hội thì quen với một người tên L. Sau đó L giới thiệu cho T1 làm gái bán dâm với giá 600.000 đồng/1 lượt thì được T1 đồng ý. Tiếp đó L cho T1 số điện thoại liên hệ với thợ chụp hình là Huỳnh Tuấn H2 để chụp hình khỏa thân với giá 3.500.000 đồng/1 bộ ảnh. Khi xong việc H2 gửi hình cho T1 sau đó T1 gửi hình cho L để nhờ L đăng bài lên trang Gaigu10.tv với giá 8.000.000 đồng/1 bài đăng/1 tháng. Ngày 15/12/2023, T1 đồng ý bán dâm cho T2 với giá 600.000 đồng/lượt. Tuy nhiên, khi gặp mặt Thy trong phòng khách sạn do T2 nghi ngờ T1 chưa đủ tuổi thành niên nên chủ động không thực hiện hành vi mua dâm với T1. (Bút lục 67).

Nguyễn Văn M khai nhận: M là chú ruột của Nguyễn Thị H, do lớn tuổi nên M được H nhờ trông coi, làm lễ tân cho khách sạn của H vào ca ngày từ 07 giờ 00 sáng đến 16 giờ 00 chiều. Mạnh có nhiệm vụ lễ tân đón khách, giao phòng cho khách và ghi sổ khi khách thuê phòng. M không biết T là gái bán dâm, H cũng không nói cho M biết về việc trên. (Bút lục 66).

Huỳnh Tuấn H2 khai nhận: H2 là thợ chụp hình nghệ thuật. H2 nhận được nhiều số điện thoại của khách nữ liên hệ để chụp hình khỏa thân, khoảng thời gian đầu H2 không biết những khách nữ trên mục đích chụp hình để đăng lên trang mạng môi giới mại dâm, tuy nhiên sau nhiều lần thì H2 biết việc khách chụp hình để đăng lên trang mạng môi giới mại dâm. Khoảng tháng 03/2023, H2 thừa nhận có chụp hình khỏa thân cho chị Hồ Thị T1 với giá 3.500.000 đồng/1 bộ ảnh. Sau đó H2 đã gửi lại hình cho T1. Việc T1 nhờ người đăng lên trang như thế nào thì H2 không rõ. H2 không biết T và cũng chưa từng chụp hình cho T.

* Vật chứng và đồ vật thu giữ: (Bút lục 27, 28, 48-50).

- 01 đầu thu ổ cứng camera hiệu Hikvision. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Thị H.

- 01 máy tính xách tay hiệu Macbook pro; số seri C02WOB RHV2J màu trắng; 01 đầu đọc thẻ nhớ màu đen hiệu “Gigacfe”; 01 thẻ nhớ Tough hiệu Sony 80Gb; 01 máy ảnh hiệu Sony L7IV, màu đen; 01 máy chiếu sáng hiệu Godex, model M1; 01 đèn Flash, hiệu Godex V86 IIIS; 07 bộ đồ phục trang chụp ảnh. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Huỳnh Tuấn H2.

- 01 cuốn sổ bìa màu xanh;
- 01 áo màu đen, kiểu áo hai dây;
- 01 bao cao su đã qua sử dụng;
- Số tiền 1.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 397/CT-VKSTPTĐ ngày 26/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo H về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, đồng ý với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng và không khiếu nại hay có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo H về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

+ Về xử lý vật chứng: giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã rất ăn năn hối cải, bị cáo không có ý thức cố ý trong việc chứa mại dâm, hiện tại bị cáo cũng đang mắc bệnh bướu vú và u ác tuyến giáp cần phẫu thuật, điều trị nên mong muốn hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, tự cải tạo tại gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Thị T, Hồ Thị T1 vắng mặt. Xét sự vắng mặt của đương sự nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Thị H vì động cơ vụ lợi đã có hành vi cho Trần Thị T thuê địa điểm do H quản lý để hoạt động mại dâm. Tại thời điểm Công an thành phố T kiểm tra hành chính chỉ xác định được Đặng Hữu H1 và Trần Thị T đang thực

hiện hành vi giao cấu với giá 400.000 đồng/lượt còn Phan Minh Phương T2 và Hồ Thị T1 không quan hệ tình dục. Hành vi trên của Nguyễn Thị H đã xâm phạm đến trật tự trị an xã hội, đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hoá cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Hành vi nêu trên của bị can Nguyễn Thị H đã phạm vào tội chứa mại dâm. Thời điểm bắt quả tang xác định được Trần Thị T đã thực hiện xong hành vi bán dâm. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với Phan Minh Vương T3 có nhu cầu mua dâm nên đã chủ động lên trang Gaigul0.tv thì gặp một người phụ nữ tên L để trao đổi việc mua dâm. Sau đó, người phụ nữ tên L liên hệ với Hồ Thị T1 trao đổi về việc bán dâm với giá là 600.000 đồng/lần và được Hồ Thị T1 đồng ý nên thông qua L, Phan Minh Vương T3 hẹn gái bán dâm Hồ Thị T1 tại khách sạn T4 để thực hiện hành vi mua dâm. Khi đến khách sạn T4, T3 là người đến trước và vào phòng 209 để chờ T1. Khoảng 10 phút sau, T1 đến vào phòng 204 gặp T3. Thy hỏi T1 “*Chưa đủ tuổi phải không sao nhìn trẻ vậy*” và T3 chủ động không đồng ý mua dâm với T1. Thy không trả tiền mua dâm T3. Quá trình điều tra cũng xác định Đặng Hữu H1 là người đi cùng với T3 đến khách sạn T4 để mua dâm là người trả tiền mua dâm cho T3 thông qua gái bán dâm Trần Thị T nên không đủ cơ sở để xử lý hình sự T3 về tội “Mua dâm người dưới 18 tuổi”.

Bản thân T1 không phải là gái bán dâm ở tại khách sạn T4 mà ở nơi khác do L điều đến bán dâm cho T3. Khi gặp mặt nhau T3 đã chủ động từ chối việc mua dâm T1 nên không đủ cơ sở để xử lý Nguyễn Thị H về hành vi chứa mại dâm với tình tiết định khung “Đối với người từ đủ 16 tuổi đến 18 tuổi”.

Đối với Đặng Hữu H1 là người mua dâm, Trần Thị T là người bán dâm không có hành vi môi giới, không vụ lợi, chưa có tiền án, tiền sự nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Đối với Nguyễn Văn M (lễ tân), không giới thiệu khách mua dâm, không biết H1, T có hành vi mua bán dâm trong khách sạn tại thời điểm bị phát hiện nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Đối với Huỳnh Tuấn H2 là người chụp hình khỏa thân cho T1 để Thiên đăng hình ảnh khỏa thân lên trang Gaigul0.tv để bán dâm nhưng H2 không biết T1 bán dâm với giá bao nhiêu, không biết T1 đăng hình lên trang Gaigul0.tv bằng cách nào. T1 và T3 cũng không thực hiện hành vi mua bán dâm do đó không có căn cứ xử lý hình sự đối với Huỳnh Tuấn H2.

Đối với người phụ nữ tên L do chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ xử lý hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiếp tục truy xét xử sau.

Cáo trạng số 397/CT-VKSTPTĐ ngày 26/7/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết định khung tăng nặng hình phạt: Không có.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, mắc bệnh bướu vú, u ác tuyến giáp, người thân (ông nội) có nhiều thành tích cách mạng được Hội đồng nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, huy chương kháng chiến hạng nhì nên được giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 của Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hình phạt đối với bị cáo:

Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, mặc dù bị cáo không có ý thức chủ đích chứa mại dâm nhưng bỏ mặc hậu quả xảy ra, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội, đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hoá. Tuy nhiên, bị cáo đã nhận thức rõ sai trái của mình, là người đang mắc bệnh cần điều trị, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017, cho bị cáo H được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo khám chữa bệnh, tự cải tạo, hòa nhập với cộng đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thủ Đức tham gia phiên tòa về mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận. Tuy nhiên, như những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo mà áp dụng án treo đối với bị cáo cũng đã đảm bảo tính răn đe, giáo dục với bị cáo vừa đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 đầu thu ổ cứng camera hiệu Hikvision. Đây là vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Thị H là đúng quy định pháp luật.

- Đối với 01 máy tính xách tay hiệu Macbook pro; số seri C02WOB RHV2J màu trắng; 01 đầu đọc thẻ nhớ màu đen hiệu “Gigacfe”; 01 thẻ nhớ Tough hiệu Sony 80Gb; 01 máy ảnh hiệu Sony L7IV, màu đen; 01 máy chiếu sáng hiệu Godex, model M1; 01 đèn Flash, hiệu Godex V86 IIS; 07 bộ đồ phục trang chụp ảnh thu giữ của Huỳnh Tuấn H2 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Huỳnh Tuấn H2 là đúng quy định pháp luật.

- Đối với 01 cuốn sổ bìa màu xanh (sổ lễ tân) thu giữ của Nguyễn Thị H là tài liệu ghi chép thông tin thuê khách sạn. Mặc dù vật không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng tại phiên tòa bị cáo xác định vật không còn giá trị sử dụng và đồng ý giao cơ quan có thẩm quyền tiêu hủy nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 áo màu đen, kiểu áo hai dây thu giữ của Trần Thị T không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 bao cao su đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của T (tiền T bán dâm và nhận thay T1) liên quan đến hành vi do nhà nước cấm nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Chứa mại dâm”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 02 (hai) năm tù, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2023 đến ngày 19/01/2024, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 242/2024/HSST-BPNC ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Nguyễn Thị H cho đến khi bị cáo H nhận được quyết định thi hành án hoặc quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn khác của Cơ quan có thẩm quyền.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tịch thu, tiêu hủy 01 cuốn sổ bìa màu xanh (sổ lễ tân) thu giữ của Nguyễn Thị H là tài liệu ghi chép thông tin thuê khách sạn, 01 áo màu đen, kiểu áo hai dây và 01 bao cao su.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/7/2024 của Quyết định chuyển vật chứng số 272/QĐ-VKSTPTĐ của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức).

- Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng theo Giấy nộp tiền mặt ngày 30/7/2024 vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức có nội dung “Nguyễn Thị H, số 272/QĐ-VKSTPTĐ, tiền vật chứng”.

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương